

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tòng Thị Đ và anh Hoàng Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị Đ và anh Hoàng Văn S thuận tình ly hôn.

Về nuôi con: Chị Tòng Thị Đ và anh Hoàng Văn S có hai con chung tên là Hoàng Việt C, sinh ngày 10/3/2012 và Hoàng Da N, sinh ngày 17/6/2014. Chị Tòng Thị Đ và anh Hoàng Văn S thỏa thuận như sau:

Anh Hoàng Văn S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung tên là Hoàng Việt C, sinh ngày 10/3/2012 và Hoàng Da N, sinh ngày 17/6/2014 cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Văn S không yêu cầu chị Tòng Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản, nợ chung, cho vay chung: Chị Tòng Thị Đ và anh Hoàng Văn S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tòng Thị Đ và anh Hoàng Văn S mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đ tự nguyện nộp thay anh S số tiền án phí mà anh S phải nộp, anh S nhất trí. Tổng cộng chị Tòng Thị Đ phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Tòng Thị Đ đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Tòng Thị Đ số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0002630 ngày 10/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Uyên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Bình

